

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DS-ST
Ngày 13-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn CHo.

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 234/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP KL, địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn Hiện, sinh năm 1983, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Châu Đốc.

Địa chỉ: Số 26, PVV, phường C B, thành phố CD, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Anh Trương Minh Q, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Ấp CH, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Trương Văn Hiện đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL trình bày:

Vào ngày 24/4/2015 anh Trương Minh Q và chị Lê Thị Thu H có ký với Ngân hàng TMCP KL – Phòng giao dịch Châu Đốc Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 27/4/2015 đến ngày 27/4/2016), lãi suất 11,43%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, về phương thức thanh toán thì trả lãi 03 tháng/lần, vốn gốc trả cuối kỳ, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, nuôi bò, cá.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên anh Trương Minh Q đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 9.729m² thuộc Giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 649876 (số vào sổ cấp GCN: CH03294) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/3/2015 do anh Trương Minh Q đứng tên. Theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số 97/2015/HĐTC-BDS/1201-0820 được ký kết ngày 24/4/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Q, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã dẫn đến quá hạn hợp đồng. Tính đến ngày 13/8/2019, anh Q và chị H còn nợ vốn 300.000.000 đồng và lãi trong hạn 25.944.000 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 16.805.847 đồng, lãi quá hạn là 165.111.750 đồng, tổng cộng vốn lãi là 507.861.597 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP KL yêu cầu anh Q và chị H phải trả số tiền vốn và lãi là 507.861.597 đồng. Yêu cầu anh Q và chị H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 14/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong vốn, lãi.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc phát mãi tài sản thi hành án và yêu cầu anh Q, chị H phải hoàn trả chi phí thẩm định tại chỗ 300.000 đồng.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 05/6/2018 bị đơn anh Trương Minh Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng, anh có vay vốn Ngân hàng 300.000.000 đồng và tính đến ngày 05/6/2018 lãi trong hạn 25.944.000, lãi phạt chậm trả lãi 11.124.110 đồng, lãi quá hạn là 105.545.250 đồng, tổng cộng vốn lãi là 442.613.361 đồng. Anh Q đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ, nhưng anh xin gia hạn thời gian trả nợ là 03 tháng đến ngày 05/9/2018.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu xin gia hạn thời gian trả nợ của anh Q, do anh Q hứa hẹn trả nợ cho Ngân hàng nhiều lần nhưng không thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ Q và nghĩa vụ theo luật định. Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và Viện kiểm sát chưa đảm bảo thời hạn quy định. Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử là chưa đảm bảo quy định. Kiến nghị khắc phục những thiếu sót trên để đảm bảo thời hạn giải quyết án đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn, chấp Hnh đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Anh Q, chị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân Hng để vay số tiền 300.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2018 bị đơn anh Q thừa nhận nợ vốn, lãi như Ngân hàng đã trình bày, xin gia hạn thời gian trả nợ là 03 tháng đến ngày 05/9/2018 và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng. Qua đó, cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với anh Q, chị H là thực tế xảy ra. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Anh Q, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Ngân hàng với anh Q ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm, làm phát sinh Q và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, nên khi anh Q, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 ngày 24/4/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 97/2015/HĐTC-BDS/1201-0820 được ký kết ngày 24/4/2015; Biên bản làm việc (V/v thông báo nợ và cam kết trả nợ ngày 28/6/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 649876 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 23/3/2015, do anh Trương Minh Q đứng tên; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với anh Q, chị H vào năm 2015 - thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng luật chung là Bộ luật Dân sự năm 2015 và luật chuyên ngành là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trương Minh Q và chị Lê Thị Thu H có ký với Ngân hàng TMCP KL – Phòng giao dịch Châu Đốc Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 27/4/2015 đến ngày 27/4/2016), lãi suất 11,43%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, về phương thức thanh toán thì trả lãi 03 tháng/lần, vốn gốc trả cuối kỳ, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, nuôi bò, cá. Từ khi vay đến nay anh Q, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân Hng đã chuyển nợ quá hạn. Nay Ngân Hng yêu cầu anh Q, chị H phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 13/8/2019 là 507.861.597 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 14/8/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, Ngân hàng còn yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án, yêu cầu anh Q, chị H phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngày 05/6/2018 bị đơn anh Q thừa nhận nợ và đồng ý phát mãi tài sản theo yêu cầu của Ngân hàng.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 ngày 24/4/2015, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa anh Q, chị H với Ngân hàng đã được anh Q thừa nhận, cho thấy việc ký kết hợp đồng là có thật và ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với

quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi là có căn cứ theo Điều 3, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 ngày 24/4/2015, phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 97/2015/HĐTC-BDS/1201-0820 được ký kết ngày 24/4/2015, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp này được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân Hng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ là 300.000 đồng. Anh Q, chị H vi phạm nghĩa vụ nên anh Q, chị H phải chịu, Ngân Hng đã tạm ứng đủ, do đó, anh Q, chị H phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân Hng là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Q, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân Hng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hng TMCP KL đối với anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H.

- Buộc anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả cho Ngân Hng TMCP KL số tiền vốn, lãi tính đến ngày 13/8/2019 là 507.861.597 đồng (Trong đó vốn 300.000.000 đồng và lãi trong hạn 25.944.000 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 16.805.847 đồng, lãi quá hạn là 165.111.750 đồng).

- Anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 300.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 97/2015/HĐTD/1201-0820 ngày 24/4/2015 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 14/8/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- Duy trì Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 97/2015/HĐTC-BDS/1201-0820 ngày 24/4/2015 cho đến khi thi Hành án xong.

- Trường hợp anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H không thanh toán được toàn bộ số tiền vốn, lãi thì Ngân Hng TMCP KL được Q yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thi Hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H phải hoàn trả lại cho Ngân Hng TMCP KL 300.000 đồng.

3. Về án phí:

Anh Trương Minh Q, chị Lê Thị Thu H phải chịu 24.314.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hng TMCP KL được nhận lại 9.910.000 đồng (Chín triệu chín trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0017502 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C.

4. Về Q kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cho Nguyễn Ngọc Bờ

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (đề thi Hnh);
- Lưu: HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi Hnh);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết tHnh vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C.

Các đương sự có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có Q thỏa thuận thi Hnh án, Q yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự;

thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi